

Bản án số: 63/2018/HNGĐ-ST
Ngày 09-4-2018
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Châu Trung Trực.

Ông Nguyễn Ngọc Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

Ngày 09 tháng 4 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2018/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2018 về “tranh chấp ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 79/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Tấn D, sinh năm 1962 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà Phan Thúy P, sinh năm 1964 (có mặt).

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn ĐD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 02/01/2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông Huỳnh Tấn D trình bày: Ông và bà Phan Thúy P tự nguyện đi đến hôn nhân và tổ chức đám cưới ngày 19-20/11/1989 tại, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn ĐD. Nguyên nhân mâu thuẫn do gia đình bên vợ và bà P không tôn trọng ông, mọi chi phí tiền bạc trong gia đình đều do bà P quản lý và không quan tâm gì đến kinh tế của chồng, con cái trong gia đình hỗn hào và đánh chửi ông, ông thừa nhận có sai khi nóng giận và đánh chửi bà P. Do đó, nay ông

xét thấy vợ chồng không còn hòa hợp khi tiếp tục chung sống với nhau nên yêu cầu được ly hôn.

Quá trình chung sống có 03 con chung tên Huỳnh Thanh T, sinh năm 1990, Huỳnh Phong D, sinh năm 1997 và Huỳnh Phương D, sinh năm 1997. Hiện các con chung đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu xem xét việc nuôi dưỡng và cấp dưỡng.

Về tài sản ông xác định tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ ông xác định nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện ĐD số tiền 100 triệu đồng. Ngoài ra ông không nợ ai khác.

- Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn bà Phan Thúy P trình bày: Bà và ông D tự nguyện kết hôn với nhau năm 1989 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn ĐD. Về nguyên nhân mâu thuẫn do ông D chỉ nghe những lời đồn của những người bên ngoài rồi về mắng chửi vợ con, thậm chí ông D còn hành hung đánh bà, mỗi lần đánh bà đều đi trốn. Ngoài ra, ông D còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và có con riêng nhưng bà chấp nhận bỏ qua để bảo vệ danh dự và vun vén hạnh phúc gia đình. Bà xác định những mâu thuẫn ông D trình bày chủ yếu giữa hai bên gia đình chứ giữa bà và ông D không có lý do gì để ly hôn vì vậy bà không đồng ý ly hôn với ông D.

Về con chung như ông D trình bày là đúng, bà không đặt ra yêu cầu vì các con đã trưởng thành.

Về tài sản chung bà thống nhất tự thỏa thuận với ông D không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung bà xác định quá trình chung sống bà và ông D có nợ như sau: Nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện ĐD số tiền 100.000.000 đồng, nợ hụi do bà Nguyễn Thị S làm đầu thảo số tiền 64.500.000 đồng, nợ hụi do bà làm đầu thảo số tiền 44.000.000 đồng, nợ cha ruột bà là ông Phan Văn E 3 chỉ vàng 24k, nợ bà Phan Hồng S số tiền 52.000.000 đồng, nợ bà Phan Ngọc Đ số tiền 36.000.0000 đồng, nợ bà Phan Thu H số tiền 22.000.000 đồng, nợ ông Huỳnh Văn C số tiền 50.000.000 đồng đã trả được 20.000.000 đồng còn nợ lại 30.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân thấy rằng ông D và bà P tự nguyện kết hôn vào năm 1989, vợ chồng có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn ĐD, huyện ĐD nên hôn nhân giữa ông bà là hợp pháp, được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Xét về nguyên nhân mâu thuẫn: Quá trình chung sống ông D xác định gia đình bên vợ và bà P không tôn trọng ông, mọi chi phí tiền bạc trong gia đình đều do bà P quản lý và không quan tâm gì đến kinh tế của chồng, con cái trong gia đình hỗn

hào và đánh chửi ông, ông thừa nhận có sai khi nóng giận và đánh chửi bà P. Nay ông xét thấy mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà không thể hàn gắn để tiếp tục chung sống hạnh phúc nên ông yêu cầu được ly hôn với bà P. Phần bà P xác định ông D nghe những lời nói không hay bên ngoài về có mắng nhiếc vợ con thậm chí hành hung bà. Ngoài ra ông D còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác bên ngoài nhưng bà chấp nhận bỏ qua tất cả để chung sống lại và vun vén hạnh phúc gia đình nên bà không đồng ý ly hôn với ông D. Từ sự trình bày của ông D và bà P cho thấy mâu thuẫn giữa ông, bà thực tế có xảy ra. Nguyên nhân mâu thuẫn từ khi phát hiện ông D chung sống với người phụ nữ khác và có con riêng khoảng 5 đến 6 năm nay, cho thấy ông D có lỗi và đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Mặc dù khi biết ông D có con riêng, bà P vẫn chấp nhận nhưng từ nguyên nhân này mà gia đình bên bà P và bà P nghi ngờ ông D làm ăn đem tài sản cho người con riêng nên phát sinh nhiều mâu thuẫn cự cãi, xô xát nhỏ trong gia đình. Ngoài ra, từ khi ông và bà ly thân cho đến nay giữa ông D và bà P cũng không có động thái nào để hàn gắn mối quan hệ hôn nhân giữa ông, bà và tại phiên tòa bà P cũng không đưa ra được biện pháp hàn gắn, trong khi ông D xác định không còn tình cảm và cương quyết ly hôn, không đồng ý hàn gắn chung sống lại với nhau. Từ các căn cứ trên cho thấy đời sống hôn nhân của ông D và bà P không còn hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không còn đạt được, quyền và nghĩa vụ của vợ chồng không được đảm bảo. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông D là có cơ sở, đúng quy định pháp luật.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống ông D và bà P có 03 con chung tên Huỳnh Thanh T, sinh năm 1990, Huỳnh Phong D, sinh năm 1997 và Huỳnh Phương D, sinh năm 1997. Hiện các con chung đã trưởng thành nên không đặt ra yêu cầu xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết việc nuôi con và cấp dưỡng là phù hợp.

[3] Về tài sản chung: Xét thấy các đương sự tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét là phù hợp.

[4] Về nợ chung: Ông D xác định quá trình chung sống vợ chồng có nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện ĐD số tiền 100.000.000 đồng. Bà P xác định ngoài nợ Ngân hàng như ông D trình bày vợ chồng còn nợ hụi của bà Nguyễn Thị S số tiền 64.500.000 đồng, nợ hụi do bà làm đầu thảo số tiền 44.000.000 đồng, nợ ông Phan Văn E 3 chỉ vàng 24k, nợ bà Phan Hồng S số tiền 52.000.000 đồng, nợ bà Phan Ngọc Đ số tiền 36.000.0000 đồng, nợ bà Phan Thu H số tiền 22.000.000 đồng, nợ ông Huỳnh Văn C số tiền 30.000.000 đồng. Đối với Ngân hàng nông nghiệp huyện ĐD, bà Nguyễn Thị S, ông Phan Văn E, bà Phan Hồng S, bà Phan Ngọc Đ, bà Phan Thu H, ông Huỳnh Văn C đã được Tòa án Thông báo hợp lệ nhưng không có yêu cầu khởi kiện đòi lại số nợ trong vụ án này, do đó Tòa án không đưa những người này tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ. Giành quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác trong trường hợp giữa Ngân hàng, bà S, ông E, bà S, bà Đ, bà

H, ông C với ông D và bà P không thỏa thuận được với nhau về việc thanh toán nợ.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm ông D phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Huỳnh Tấn D. Cho ông Huỳnh Tấn D được ly hôn với bà Phan Thúy P.

- Về con chung: Có ba con chung tên Huỳnh Thanh T, sinh năm 1990, Huỳnh Phong D, sinh năm 1997 và Huỳnh Phương D, sinh năm 1997 đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về tài sản và về nợ: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm ông D phải chịu 300.000 đồng, ông D đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng tại biên lai số 0009527 ngày 04/01/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi nay được chuyển thu, ông D đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên